

## Neoproof® PU Fiber

Lớp phủ chống thấm polyurethane hệ nước được gia cố bằng sợi ứng dụng cho mái lộ thiên



### Mô tả

Lớp phủ chống thấm đàn hồi polyurethane hệ nước, một thành phần, được gia cố bằng sợi.

Lý tưởng cho các ứng dụng mái nhà lộ thiên, ứng dụng trên toàn bộ bề mặt hoặc cục bộ ở các khu vực và chi tiết khó, chẳng hạn như xung quanh hệ thống thông gió, ống khói, đường ống, máng xối, v.v.



### Lĩnh vực ứng dụng

- Mái lộ thiên bằng bê tông, ngói xi măng, lán xi măng
- Mái có thể đi lại được, nơi yêu cầu khả năng chống thấm nước cao
- Bề mặt kim loại
- Trên lớp màng chống thấm lỏng mới hoặc cũ
- Trên màng bitum khoáng

**Đóng gói**  
13kg & 4kg

**Màu sắc**  
RAL 9003

*Các bề mặt trên cần được chuẩn bị và quét lót thích hợp trước khi thi công Neoproof® PU Fiber.*

### Đặc tính - Ưu Điểm

- Được gia cố bằng sợi - Tạo thành một loại màng đàn hồi không thấm nước với độ dày tăng lên, có đặc tính kết liền vết nứt đặc biệt
- Kết hợp độ bền cơ học cao và độ bám dính tuyệt vời trên các bề mặt tòa nhà khác nhau
- Khả năng chống nước đọng tuyệt vời
- Giải pháp chống thấm lý tưởng cho mái có thể đi lại được
- Khả năng chống bức xạ UV lâu dài và các điều kiện thời tiết bất lợi
- Giải pháp lý tưởng cho các bề mặt kém bằng phẳng và cho các vị trí cục bộ ở những vị trí khó hoặc sửa chữa các màng chống thấm lỏng cũ
- Không có dấu hiệu phồng rộp hoặc vết lõm trên bề mặt trong giai đoạn đóng rắn
- Tương thích với Neoproof® PU W và các loại vật liệu chống thấm hệ nước khác
- Thân thiện với môi trường và người sử dụng (hệ nước, một thành phần)

## Chứng chỉ - Báo cáo thí nghiệm

- Chứng nhận CE theo EN 1504-2  
*Chứng nhận Hợp chuẩn Số 1922-CPR-0386*
- Báo cáo thử nghiệm của phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng độc lập bên ngoài Geoterra(Số 2021-55)
- Tuân thủ hàm lượng V.O.C. yêu cầu theo E.U. Chỉ thị 2004/42 /CE



### Đặc tính kỹ thuật

|                                                                                                            |                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| Tỷ trọng (EN ISO 2811-1)                                                                                   | 1,36kg/L (±0,1)                        |
| Giãn dài tại điểm đứt (ASTM D412)                                                                          | 210% (±20)                             |
| Độ bền căng tại điểm đứt (ASTM D412)                                                                       | 3,30MPa (±0,3)                         |
| Độ bền căng tại điểm đứt (được gia cường Neotextile®, ASTM D412)                                           | >8MPa                                  |
| Cường độ bám dính (EN 1542)                                                                                | >2N/mm <sup>2</sup>                    |
| Độ cứng Shore A (ASTM D2240)                                                                               | 67                                     |
| Khả năng thấm nước (EN 1062-3)                                                                             | <0,1kg/m <sup>2</sup> h <sup>0.5</sup> |
| Tính thấm CO <sub>2</sub> - Độ dày lớp không khí tương đương khuếch tán Sd(EN 1062-6)                      | >50m                                   |
| Tính thấm hơi nước - Lớp không khí tương đương khuếch tán độ dày Sd (EN ISO 7783)                          | 0,9m (Loại I – thấm)                   |
| Quá trình lão hóa tia UV tăng tốc khi có độ ẩm (UVB-313, 4giờ UV @ 60°C + 4giờ ngưng tụ ở 50°C, ASTM G154) | Qua (>1000 giờ)                        |
| Nhiệt độ sử dụng                                                                                           | -15°C đến +80°C                        |
| <b>Tiêu thụ: 1,2-1,4kg/m<sup>2</sup> cho 2 lớp (bề mặt gốc xi măng)</b>                                    |                                        |

### Điều kiện thi công

|                                          |                    |
|------------------------------------------|--------------------|
| Độ ẩm mặt nền                            | <4%                |
| Độ ẩm môi trường (RH)                    | <80%               |
| Nhiệt độ thi công (môi trường – mặt nền) | Từ +10°C đến +35°C |

### Chi tiết bảo dưỡng

|                                                                                                                                          |                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| Thời gian khô (+25°C, RH 50%)                                                                                                            | 2-3 giờ (ban đầu) |
| Thi công lớp kế tiếp (+25°C, RH 50%)                                                                                                     | 24 giờ            |
| Đông cứng hoàn toàn                                                                                                                      | ~ 7 ngày          |
| * Nhiệt độ thấp và độ ẩm cao trong quá trình thi công / hoặc đóng rắn sẽ kéo dài thời gian trên, trong khi nhiệt độ cao sẽ rút ngắn lại. |                   |

## Vật liệu lót thích hợp trên các chất nền thông thường

| Chất nền                        | Vật liệu lót                          | Mô tả - Chi tiết                                                                                             |
|---------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bê tông,<br>cán nền vữa xi măng | <b>Revinex®</b><br>(pha với nước 1:4) | Vật liệu lót hệ nước có độ bám dính cao trên chất nền gốc xi măng                                            |
|                                 | <b>Silatex® Primer</b>                | Vật liệu lót acrylic hệ dung môi, có khả năng thẩm thấu cao                                                  |
|                                 | <b>Vinyfix® Primer</b>                | Vật liệu lót hệ dung môi dựa trên nhựa vinyl, lý tưởng để ổn định bề mặt nền giòn                            |
| Màng Bitum mặt đá               | <b>Revinex®</b><br>(pha với nước 1:4) | Vật liệu lót hệ nước, thích hợp để ổn định màng bitum mặt đá, cung cấp khả năng kết dính lý tưởng            |
| Kim loại (sắt, thép)            | <b>Neotex® Metal Primer</b>           | Vật liệu lót chống ăn mòn một thành phần, hệ nước, có độ bám dính tuyệt vời trên bề mặt kim loại cũ hoặc mới |
| Inox, thép mạ, nhôm             | <b>Neotex® Inox Primer</b>            | Vật liệu lót một thành phần hệ nước với cường độ bám dính cao trên bề mặt bóng, không xốp.                   |

## Hướng dẫn sử dụng

### Chuẩn bị mặt nền

Bề mặt phải ổn định, sạch, khô, được bảo vệ khỏi độ ẩm tăng cao và không bám bụi, dầu, mỡ và các vật liệu rời. Các vật liệu bám dính kém và lớp phủ cũ cần được loại bỏ, và bề mặt phải được làm sạch kỹ lưỡng về mặt cơ học hoặc hóa học. Tùy thuộc vào chất nền, có thể dùng biện pháp cơ học thích hợp để làm phẳng những vị trí không đồng đều, mở các lỗ rỗng và tạo điều kiện tối ưu cho độ bám dính. Các bề mặt phải có độ dốc thích hợp và phẳng, nhẵn, liên tục (tức là không có lỗ rỗng, vết nứt, rãnh, v.v.). Trong trường hợp ngược lại, chúng nên được xử lý phù hợp (ví dụ bằng cách bả bột thích hợp).

### Vật liệu lót

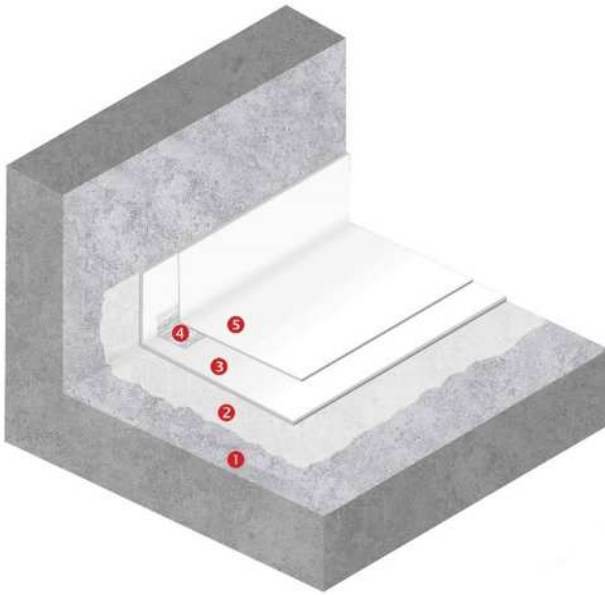
Trước khi thi công **Neoproof® PU Fiber**, nên quét lót bằng vật liệu NEOTEX® thích hợp, tùy theo chất nền (xem bảng). Trong trường hợp nền gốc xi măng, nên dùng **Revinex®** pha loãng với nước theo tỷ lệ **Revinex®**: nước - 1: 4 hoặc quét lót hệ dung môi **Silatex® Primer** hoặc **Vinyfix® Primer**.

### Thi công

Sau khi quét lót bề mặt, **Neoproof® PU Fiber** được thi công, sau khi đã được khuấy kỹ, ít nhất hai lớp bằng con lăn, chổi quét. Lớp đầu tiên được pha loãng với 5% nước sạch, lớp thứ hai (và mọi lớp tiếp theo) được thi công sau khoảng 24 giờ, không pha loãng. Mỗi lớp **Neoproof® PU Fiber** phải được thi công theo hướng thẳng đứng hoặc khác với hướng trước đó

Đọc theo các đường giao trên mặt sàn (cũng như ở tất cả các góc khác), trong các chi tiết xây dựng (chẳng hạn như đường ống thoát nước xung quanh và bên trong mái nhà), dọc theo các mối nối, cũng như khi che phủ các vết nứt, nên quét **Neoproof® PU Fiber** cục bộ trước, được gia cố bằng vải polyester không dệt được thiết kế đặc biệt **Neotextile®** có trọng lượng 50gr/m<sup>2</sup> (thi công hai lớp "ướt-ướt" với lớp vải ở giữa).

## Hướng dẫn quy trình thi công



### CHỐNG THẤM MÁI LỘ THIÊN TRÊN CHẤT NỀN GÓC XI MĂNG

- 1 Nền gốc xi măng
- 2 Vật liệu lót: **Revinex®**  
pha với nước (tỷ lệ 1: 4)
- 3 Lớp nền chống thấm: **Neoproof® PU Fiber**  
(pha với 5% nước)
- 4 Gia cố góc: Vải **Neotextile®**
- 5 Lớp phủ chống thấm: **Neoproof® PU Fiber**  
(không pha loãng)

Tiêu thụ **Neoproof® PU Fiber**: 1,2-1,4kg / m<sup>2</sup> cho hai lớp


## Những lưu ý đặc biệt

- Không thi công **Neoproof® PU Fiber** khi trời đang mưa hoặc dự báo có mưa trong thời gian bảo dưỡng sản phẩm.
- Nhiệt độ bề mặt trong quá trình thi công và bảo dưỡng phải cao hơn 3°C, trên điểm sương để tránh bị ngưng tụ
- Thi công liên tục đầy đủ ở các bề mặt thẳng đứng của mái (tối thiểu 30cm), để tạo thành một lớp màng chống thấm liền mạch. Trong mọi trường hợp, nên che phủ hoàn toàn các giá đỡ và tiếp tục thi công chống thấm ở các mặt cắt ngang của chúng.
- Độ bền của hệ thống chống thấm tỷ lệ thuận với tổng chiều dày màng sơn khô, có thể đạt được thông qua việc thi công thêm một lớp hoặc nhiều lớp bổ sung.
- Ở những điểm có nhiều khả năng đọng nước trong thời gian dài, nên gia cố **Neoproof® PU Fiber** bằng vải polyester **Neotextile®** với tối thiểu 3 lớp **Neoproof® PU Fiber** tại điểm đọng nước. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp đều phải cố tạo độ dốc thích hợp cho dòng nước trôi chảy hết ra khỏi mái.
- Trong trường hợp lớp lán xi măng mới và ngay sau khi trát xong, nên tạo các khe nổi thích hợp (từng 15-20m<sup>2</sup> trên diện tích bề mặt và ở độ sâu xấp xỉ ¼ độ dày của lớp lán xi măng), sau đó sẽ được trám kín (ví dụ: bằng dây xốp PE và **Neotex® PU Joint** sau khi quét lót thích hợp các mặt của chúng). Cũng cần tạo các khe co giãn xung quanh chu vi, như trên, và có chiều rộng tối thiểu là 1cm. Mọi khe nổi hiện có của tấm bê tông cần được chuyển sang chất nền mới.

## Hướng dẫn bảo trì

- Lớp màng đóng cứng hoàn toàn 7 ngày sau khi thi công lớp cuối cùng, tuy nhiên còn tùy thuộc vào điều kiện thời tiết. Trong suốt thời gian bảo dưỡng trên, nghiêm cấm tới gần bề mặt mới thi công hoặc chỉ những người có chuyên môn mới được phép.
- Nên kiểm tra lớp phủ hàng năm để tìm ra các hư hại do tác động khách quan hoặc chủ quan.
- Trong trường hợp cần sửa chữa cục bộ, nên ứng dụng **Neoproof® PU Fiber** với độ dày màng chống thấm khô ban đầu ở mức tối thiểu, sau khi làm sạch và quét lót (nếu cần) khu vực bị ảnh hưởng. Những vị trí trọng yếu nên được gia cố bằng vải polyester không dệt **Neotextile®**.
- Nên làm sạch định kỳ bằng vòi phun tia nước (kết hợp với chất tẩy rửa trung tính, nếu cần), đặc biệt trong trường hợp tích tụ nhiều chất bẩn, bụi và chất ô nhiễm trên bề mặt.

|                                     |                                                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hình thức                           | Chất lỏng nhớt                                                                                                                                                                                           |
| Màu sắc                             | Trắng RAL 9003<br>Các sắc thái khác theo yêu cầu                                                                                                                                                         |
| Đóng gói                            | 13kg, 4kg & 1kg trong thùng nhựa                                                                                                                                                                         |
| Vệ sinh dụng cụ tẩy vết bẩn         | Bằng nước ngay sau khi thi công.<br>Trong trường hợp vết bẩn đã đông cứng, bằng biện pháp cơ học                                                                                                         |
| Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (V.O.C.) | Hạn mức V.O.C. tuân thủ E.U. Chỉ thị 2004/42 / CE cho sản phẩm này thuộc loại AcWB: 40g / l (Giới hạn 1.1.2010) - hàm lượng V.O.C. của sản phẩm sẵn sàng sử dụng <40g / l                                |
| Mã UFI                              | SCF0-S0HQ-100T-932V                                                                                                                                                                                      |
| Phiên bản                           | <b>Neoproof® PU W</b> , lớp phủ chống thấm polyurethane hệ nước<br><b>Neoproof® PU W-40</b> , có khả năng chịu nhiệt độ cực thấp xuống - 40°C<br><b>Neoproof® PU360</b> , dành cho bề mặt không lộ thiên |
| Lưu trữ                             | 2 năm, được bảo quản trong bao bì kín ban đầu, được bảo vệ khỏi sương giá, độ ẩm và tiếp xúc với ánh sáng mặt trời.                                                                                      |

|                                                                                                                                 |                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| <br>1922                                       |                                            |
| <b>NEOTEX S.A.</b><br>V.Moira str., P.O. Hộp 2315<br>GR 19600 Khu công nghiệp Mandra, Athens, Hy Lạp<br><br>14                  |                                            |
| 1922-CPR-0386<br>DoP No.: 4950-67<br><br><b>EN 1504-2</b><br><b>Neoproof® PU Fiber</b><br><br>Sản phẩm bảo vệ bề mặt<br>Lớp phủ |                                            |
| Độ thấm hơi nước:                                                                                                               | Loại I                                     |
| Cường độ bám dính:                                                                                                              | ≥1,5N / mm <sup>2</sup>                    |
| Khả năng hấp thụ mao mạch<br>khả năng thấm nước:                                                                                | W <0,1Kg / m <sup>2</sup> h <sup>0.5</sup> |
| Khả năng thấm CO2:                                                                                                              | SD> 50m                                    |
| Phản ứng lửa:                                                                                                                   | Euroclass F                                |
| Các chất nguy hiểm:                                                                                                             | Tuân thủ 5.3                               |

Thông tin được cung cấp trong biểu dữ liệu này, liên quan đến việc sử dụng và ứng dụng của sản phẩm, dựa trên kinh nghiệm và kiến thức về NEOTEX® SA. Nó được cung cấp như một dịch vụ cho các nhà thiết kế và nhà thầu để giúp họ tìm ra các giải pháp tiềm năng. Tuy nhiên, với tư cách là nhà cung cấp, NEOTEX® SA không kiểm soát việc sử dụng thực tế của sản phẩm và do đó không thể chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng sản phẩm. Là kết quả của sự phát triển kỹ thuật liên tục, khách hàng của chúng tôi tùy thuộc vào kiểm tra với bộ phận kỹ thuật của chúng tôi để đảm bảo rằng bảng dữ liệu hiện tại này đã không được sửa đổi bởi một phiên bản mới hơn:

**HEADQUARTERS - PLANT**  
V. Moira str., Xiropigado  
**LOGISTICS SALES & CENTER**  
Loutsas str., Voro

P.O. Box 2315, GR 19600  
Industrial Area Mandra  
Athens, Greece  
T. +30 210 5557579

**NORTHERN GREECE BRANCH**  
Ionias str., GR 57009  
Kalochori, Thessaloniki, Greece  
T. +30 2310 467275